TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15 – TP.HỒ CHÍ MINH**	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2026/HS-ST
Ngày: 10/9/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khương Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;
- Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Phương Huỳnh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Minh Điền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 255/2026/TLST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2026/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2026, đối với bị cáo:

Lê Nguyên H, sinh năm 1978 tại tỉnh Lâm Đồng; CCCD số: 068078000471, cấp ngày 05/4/2021; nơi thường trú: Số C N, Tổ G, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Hồng Đ và bà Trần Thị Phúc L; bị cáo có vợ tên Đặng Thị Kim C và có 02 người con (lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2003); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/5/2026 sau đó bị tạm giam đến ngày 13/7/2026 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh; có mặt.

- *Bị hại:* Bà Hoàng Thị Quốc T, sinh năm 1966; CCCD số: 046166011319; nơi cư trú: Thôn D, xã E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Đặng Thị Kim C, sinh năm 1977; CCCD số: 079177016085; nơi cư trú: Số nhà C, đường N, Tổ G, Khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

+ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Kiêm H1; Chủ doanh nghiệp: Ông Nguyễn Chí B.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Chí B: Bà Trần Nguyễn Phong

L1, sinh năm 1977; CCCD: 074177003258; nơi cư trú: Số B Đ, khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Công ty TNHH MTV T2; người đại diện theo pháp luật: Bà Vương Thị Thanh T1, sinh năm 1993; CCCD: 074193001844; nơi cư trú: Số nhà B đường V, khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 30/4/2026, bà Hoàng Thị Quốc T đón xe khách của nhà xe H3 đi từ tỉnh Đắk Lắk đến phường C, Thành phố Hồ Chí Minh để thăm con. Đến khoảng 02 giờ 30 phút ngày 01/5/2026, xe khách đi đến ngã ba giao nhau giữa đường Đ và đường T thuộc phường C, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà T xuống xe khách và đứng chờ con của bà T đến đón. Lúc này, bị cáo Lê Nguyên H là tài xế chạy xe ôm G điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen, biển số 61B 1-968.89 chạy đến hỏi bà T có đi xe ôm không thì bà T trả lời không và nói đang chờ con trai đến đón. Bà T định lấy điện thoại gọi cho con trai thì phát hiện để quên điện thoại di động và túi xách trên xe khách Hùng Kim C1 nên nói cho bị cáo H biết thì H nói với bà T để H chạy đuổi theo xe khách lấy lại điện thoại và túi xách cho bà T, bà T đồng ý và nói với H là điện thoại và túi xách bà T để ở ghế ngồi số 2 của xe khách. Liền đó, bị cáo H chạy đuổi theo xe khách đến trước nhà số H đường Đ, khu phố T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh (gần Trạm thu phí S) thì yêu cầu xe khách Hùng Kim C1 dừng xe để H lấy túi xách cho bà T. Sau khi lấy được túi xách thì bị cáo H không quay lại trả túi xách cho bà T mà đem về nhà cất giấu rồi đi ngủ. Đến khoảng 06 giờ ngày 01/5/2026, bị cáo H mở túi xách ra kiểm tra thì phát hiện có 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A36 màu xanh, 02 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, 02 chiếc nhẫn vàng, 01 đôi bông tai vàng và 01 Căn cước công dân tên Hoàng Thị Quốc T. Đến khoảng 08 giờ 20 phút cùng ngày, bị cáo H đem 01 chiếc nhẫn vàng đến tiệm V, địa chỉ tại số B, đường Đ, khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh bán cho chị Vương Thị Thanh T1 được số tiền 14.900.000 đồng. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo H đem 01 chiếc nhẫn vàng đến tiệm V1, địa chỉ tại số B, đường Đ, tổ D, khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh bán cho bà Trần Nguyễn Phong L1 được số tiền 14.800.000 đồng. Sau đó, đến 17 giờ 10 phút cùng ngày, bị cáo H tiếp tục đem 01 đôi bông tai vàng đến tiệm V bán cho chị Vương Thị Thanh T1 được số tiền 13.800.000 đồng.

Đối với bà T, sau khi chờ đợi không thấy bị cáo H quay lại trả tài sản thì bà T liên hệ xe khách Hùng Kim C1 thì được biết xe khách đã trả lại tài sản của bà T cho người điều khiển xe ôm G nên bà T đến Công an phường C trình báo sự việc.

Ngày 05/5/2026, bị cáo H đến Công an phường C đầu thú và khai nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của bà T.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự phường C kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A36 màu xanh, trị giá 3.033.000 đồng; 01 túi xách

màu đen, trị giá 160.000 đồng; 01 đôi bông tai vàng (01 chỉ), trị giá 14.800.000 đồng; 01 chiếc nhẫn vàng trơn (01 chỉ), trị giá 15.200.000 đồng; 01 chiếc nhẫn vàng trơn (01 chỉ), trị giá 15.200.000 đồng. Tổng giá trị tài các tài sản nêu trên là 48.393.000 đồng (bút lục số 46-47) và 1.000.000 đồng tiền Việt Nam.

* Việc thu giữ, tạm giữ, tài liệu, đồ vật: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã thu giữ: 01 Căn cước công dân tên Hoàng Thị Quốc T; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A36 màu xanh; số tiền 11.000.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen, biển số 61B1- 968.89; 01 túi xách màu đen; 01 nón bảo hiểm màu xanh hiệu G; 01 áo màu xanh hiệu G; 01 đôi dép tổ ong màu trắng (tất cả do Lê Nguyên H giao nộp); 01 chiếc nhẫn vàng (do bà Trần Nguyễn Phong L1 giao nộp); 01 USB ghi lại hình ảnh Lê Nguyên H chiếm đoạt tài sản của bà T. Đối với 01 đôi bông tai vàng và 01 chiếc nhẫn vàng do tiệm V sau khi mua của H thì đã nấu chảy và chế tác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không thu hồi được (bút lục số 19, 25, 37).

* Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Đối với 01 Căn cước công dân tên Hoàng Thị Quốc T; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A36 màu xanh; 01 chiếc nhẫn vàng; số tiền 11.000.000 đồng; 01 túi xách màu đen là tài sản cá nhân của bà Hoàng Thị Quốc T. Ngày 28/6/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H lập biên bản giao trả các tài sản trên cho bà T. Quá trình điều tra, bà Đặng Thị Kim C là vợ của bị cáo Lê Nguyên H đã bồi thường cho bà Hoàng Thị Quốc T số tiền 50.000.000 đồng. Hiện tại, bà T không có yêu cầu gì khác và làm đơn xin bãi nại đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho Lê Nguyên H.

- Đối với 01 nón bảo hiểm màu xanh hiệu G; 01 áo màu xanh hiệu G; 01 đôi dép tổ ong màu trắng là tài sản cá nhân của Lê Nguyên H, ngày 28/6/2026 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H lập biên bản giao trả các tài sản trên cho bà Đặng Thị Kim C vợ của bị cáo H.

- Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen, biển số 61B1-968.89 do bị cáo Lê Nguyên H đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Ngày 01/5/2026, H sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục tạm giữ xe mô tô trên để bảo quản và xử lý theo quy định.

- Đối với 01 USB ghi lại hình ảnh Lê Nguyên H chiếm đoạt tài sản của bà Hoàng Thị Quốc T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H niêm phong vào bì thư đóng dấu bút lục và lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với bà Trần Nguyễn Phong L1 và chị Vương Thị Thanh T1, khi Lê Nguyên H đem vàng đến bán thì bà L1 và chi T1 không biết số vàng trên do H phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không đề cập xử lý. Hiện tại, bà L1 và chị T1 không có yêu càu gì khác đối với Lê Nguyên H.

Tại Bản Cáo trạng số 95/CT-VKSHCM-KV15 ngày 02/8/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lê Nguyên H về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1

Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Nguyên H mức hình phạt từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bà Đặng Thị Kim C là vợ của bị cáo H đã bồi thường cho bà Hoàng Thị Quốc T tổng số tiền 50.000.000 đồng. Hiện tại, bà T không có yêu cầu gì khác, làm đơn xin bãi nại và đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo H; đối với 01 chiếc nhẫn vàng mà bị cáo H đã bán cho bà Trần Nguyễn Phong L1 được số tiền 14.800.000 đồng tại Tiệm vàng Nguyễn Kim H2 thì chủ tiệm V1 không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì trong vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 Căn cước công dân tên Hoàng Thị Quốc T; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A36 màu xanh; 01 chiếc nhẫn vàng thu giữ tại Tiệm V1; số tiền 11.000.000 đồng; 01 túi xách màu đen là tài sản cá nhân của bà Hoàng Thị Quốc T. Ngày 28/6/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H lập biên bản giao trả các tài sản trên cho bà T do đó không đề nghị Hội đồng xét xử xử lý.

+ Đối với 01 nón bảo hiểm màu xanh hiệu G; 01 áo màu xanh hiệu G; 01 đôi dép tổ ong màu trắng là tài sản cá nhân của bị cáo H, ngày 28/6/2026 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H lập biên bản giao trả các tài sản trên cho bà Đặng Thị Kim C do đó không đề nghị Hội đồng xét xử xử lý.

+ Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen, biển số 61B1-968.89 do Lê Nguyên H đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Ngày 01/5/2026, bị cáo H sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

+ Đối với 01 USB ghi lại hình ảnh Lê Nguyên H chiếm đoạt tài sản của bà Hoàng Thị Quốc T, được niêm phong vào bì thư đóng dấu bút lục và lưu trong hồ sơ vụ án do đó không đề nghị Hội đồng xét xử xử lý.

Tại phiên toà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Kim C trình bày: Bà C là vợ của bị cáo Lê Nguyên H, bà C không biết việc bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác. Sau khi phạm tội, bị cáo H tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bà T với tổng số tiền là 50.000.000 đồng nên bà C thay mặt bị cáo H bồi thường thiệt hại cho bà T. Bà C không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại phiên toà, bị Lê Nguyên H không có ý kiến gì tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội phụ giúp vợ chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - TP ., Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Nguyên H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 01/5/2026, tại khu vực trước nhà số H, đường Đ, khu phố T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh (gần Trạm thu phí S), bị cáo H lợi dụng sự tin tưởng của bà Hoàng Thị Quốc T nhờ bị cáo H lấy dùm túi xách của bà T để trên xe khách Hùng K bên trong có nhiều tài sản nhưng sau khi nhận được túi xách chứa các tài sản gồm: 01 điện thoại di động hiệu S1 Galaxy A36 màu xanh, trị giá 3.033.000 đồng; 01 túi xách màu đen, trị giá 160.000 đồng; 01 đôi bông tai vàng (01 chỉ), trị giá 14.800.000 đồng; 01 chiếc nhẫn vàng trơn (01 chỉ), trị giá 15.200.000 đồng; 01 chiếc nhẫn vàng trơn (01 chỉ), trị giá 15.200.000 đồng và 1.000.000 đồng tiền mặt của bà T thì bị cáo H nảy sinh ý định chiếm đoạt các tài sản trên nên không trả lại cho bà T mà đem bán vàng để tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt của bà T là 49.393.000 đồng. Hành vi của bị cáo H đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi dân sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam, tư lợi, muốn mau chóng có tiền tiêu xài, bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do đó, khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện để đưa ra mức hình phạt phù hợp, đảm bảo tính giáo dục, răn đe đối với bị cáo và

phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đầu thú; người bị hại có đơn xin bãi nại và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Sau khi xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, cho bị cáo hưởng án treo và giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân phường nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách là đã đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Sau khi xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại. Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không ai có yêu cầu gì đối với bị cáo về trách nhiệm dân sự do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen, biển số 61B1-968.89 do bị cáo H đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Bị cáo H sử dụng xe mô tô nêu trên làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) USB ghi lại hình ảnh bị cáo H chiếm đoạt tài sản của bà bị hại T, trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã niêm phong vào bì thư đóng dấu bút lục và lưu trong hồ sơ vụ án do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Đối với 01 Căn cước công dân tên Hoàng Thị Quốc T; 01 điện thoại di động

hiệu Samsung Galaxy A36 màu xanh; 01 chiếc nhẫn vàng thu giữ tại Tiệm V1; số tiền 11.000.000 đồng; 01 túi xách màu đen là tài sản cá nhân của bà Hoàng Thị Quốc T. Ngày 28/6/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H lập biên bản giao trả các tài sản trên cho bà T là phù hợp, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Đối với 01 nón bảo hiểm màu xanh hiệu G; 01 áo màu xanh hiệu G; 01 đôi dép tổ ong màu trắng là tài sản cá nhân của bị cáo H, ngày 28/6/2026 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H lập biên bản giao trả các tài sản trên cho bà Đặng Thị Kim C là phù hợp, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 106, 136, 260, 292, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Nguyên H phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2.Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Lê Nguyên H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm, tính từ ngày Tòa tuyên án (ngày 10/9/2026).

Giao bị cáo Lê Nguyên H cho Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đen, biển số 61B1-968.89, số khung: 1720HY041892, số máy: E3T6E305994.

(Theo Lệnh xuất vật chứng số A11475/LXK-CSHS ngày 03/7/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Nguyên H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Kim C có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Công an TP.HCM (PV06);
- Cơ quan CSĐT Công an TP.HCM;
- VKSND KV 15 – TP.HCM;
- UBND phường Thủ Dầu Một, TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khương Minh Trí